



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

MÃ SỐ:  
354/XNN/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

28/06/2023

Trang 01/01



1. Ngày nhận mẫu: 21/06/2023
2. Thời gian thử nghiệm: 21/06/2023
3. Tên mẫu: **Nước sạch**
4. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch
- Hệ thống Cấp nước sạch cho cụm dân cư xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy**
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
6. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
7. Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒
8. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên thông số             | ĐVT                | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCVN 01-1:2018/BYT (1)<br>Ngưỡng giới hạn |
|----|--------------------------|--------------------|------------------------|--------------------|-------------------------------------------|
| 1  | Màu sắc <sup>(*)</sup>   | TCU                | TCVN 6185:2015         | <5                 | 15                                        |
|    | Độ đục <sup>(*)</sup>    | NTU                | TCVN 6184:1996         | <1                 | 2                                         |
| 3  | pH <sup>(*)</sup>        |                    | TCVN 6492:2011         | 8,00               | 6,0 - 8,5                                 |
| 4  | Mùi vị <sup>(**)</sup>   |                    | QLCN-PP-13             | Không mùi vị lạ    | Không có mùi, vị lạ                       |
| 5  | Clo dư <sup>(**)</sup>   | mg/l               | QLCN-PP-01             | 0,5                | 0,2-1,0                                   |
| 6  | Coliform <sup>(**)</sup> | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP-10             | 0                  | <3                                        |
| 7  | E.coli <sup>(**)</sup>   | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP-11             | 0                  | <1                                        |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Thông số được Valas công nhận;
- (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

Hoàng Minh Tâm



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

MÃ SỐ:  
355/XNN/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

28/06/2023

Trang 01/01



1. Ngày nhận mẫu: 21/06/2023
2. Thời gian thử nghiệm: 21/06/2023
3. Tên mẫu: Nước sạch
4. Vị trí lấy mẫu: Hà Thúc Tiến, thôn Mỹ Hà, xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
6. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
7. Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒
8. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên thông số             | ĐVT            | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCVN 01-1:2018/BYT (1) Ngưỡng giới hạn |
|----|--------------------------|----------------|------------------------|--------------------|----------------------------------------|
| 1  | Màu sắc <sup>(*)</sup>   | TCU            | TCVN 6185:2015         | <5                 | 15                                     |
|    | Độ đục <sup>(*)</sup>    | NTU            | TCVN 6184:1996         | <1                 | 2                                      |
| 3  | pH <sup>(*)</sup>        |                | TCVN 6492:2011         | 7,90               | 6,0 - 8,5                              |
| 4  | Mùi vị <sup>(**)</sup>   |                | QLCN-PP-13             | Không mùi vị lạ    | Không có mùi, vị lạ                    |
| 5  | Clo dư <sup>(**)</sup>   | mg/l           | QLCN-PP-01             | 0,3                | 0,2-1,0                                |
| 6  | Coliform <sup>(**)</sup> | Vi khuẩn/100ml | QLCN-PP-10             | 0                  | <3                                     |
| 7  | E.coli <sup>(**)</sup>   | Vi khuẩn/100ml | QLCN-PP-11             | 0                  | <1                                     |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Thông số được Valas công nhận;
- (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

Hoàng Minh Tâm



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

- Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 02323.889.868



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

MÃ SỐ:  
356/XNN/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

28/06/2023

Trang 01/01



VALAS 020

1. Ngày nhận mẫu: 21/06/2023
2. Thời gian thử nghiệm: 21/06/2023
3. Tên mẫu: **Nước sạch**
4. Vị trí lấy mẫu: Nguyễn Văn Hiền, thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
6. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
7. Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒
8. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên thông số | ĐVT                | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCVN 01-1:2018/BYT (1)<br>Ngưỡng giới hạn |
|----|--------------|--------------------|------------------------|--------------------|-------------------------------------------|
| 1  | Màu sắc(*)   | TCU                | TCVN 6185:2015         | <5                 | 15                                        |
|    | Độ đục(*)    | NTU                | TCVN 6184:1996         | <1                 | 2                                         |
| 3  | pH(*)        |                    | TCVN 6492:2011         | 7,74               | 6,0 - 8,5                                 |
| 4  | Mùi vị(**)   |                    | QLCN-PP-13             | Không mùi vị lạ    | Không có mùi, vị lạ                       |
| 5  | Clo dư(**)   | mg/l               | QLCN-PP-01             | 0,27               | 0,2-1,0                                   |
| 6  | Coliform(**) | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP-10             | 0                  | <3                                        |
| 7  | E.coli(**)   | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP-11             | 0                  | <1                                        |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Thông số được Valas công nhận;
- (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

Hoàng Minh Tâm



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868